

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 9 - 2025

“V/v Tranh chấp ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Tuấn Duy**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Nhận**

Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phùng Thị Loan** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Đăng Khoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025, về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2025/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Võ Thị N, sinh ngày 15/12/2000 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã P, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ cũ: Ấp D, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu)

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn P, sinh ngày 01/01/1995 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp F, xã P, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ cũ: Ấp F, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị N trình bày:

Chị Nguyễn Thị N1 và anh Nguyễn Văn P kết hôn vào năm 2019, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã G. Tuy nhiên, do anh P không chăm lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, bia nên đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc nên chị và anh P đã ly thân từ tháng 04/2025 đến nay, hiện nay đời sống hôn nhân giữa chị và anh P không thể tiếp tục. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Chị và anh P có 01 người con chung tên Nguyễn Thành N2, sinh ngày 09/6/2020, từ khi ly thân đến nay cháu N2 đều ở chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N2, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết do vợ không có tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị N1 về việc hôn nhân của anh và chị N1 là tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Tuy nhiên, anh không đồng ý việc chị N1 xác định vợ chồng đã ly thân, vì hiện nay đời sống khó khăn nên anh đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh còn chị N1 ở nhà chăm lo cho con, không phải vợ chồng ly thân. Qua yêu cầu của chị Võ Thị N anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Võ Thị N vì anh muốn con có cha, có mẹ đầy đủ.

Về con chung: Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị N ly hôn với anh, anh yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thành N2, sinh ngày 09/6/2020, nếu được nuôi con anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị N ly hôn với anh, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị N, cho chị Võ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn P. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành N2, sinh ngày 09/6/2020 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Võ Thị N phải chịu 300.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Võ Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn P; Anh P có địa chỉ cư trú thuộc xã P, tỉnh Cà Mau, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị N:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Võ Thị N và anh Nguyễn Văn P thống nhất xác định hôn nhân giữa anh, chị là tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân của chị N và anh P là hợp pháp, được pháp luật công nhận, bảo vệ. Hiện nay, anh P xác định vợ chồng không sống ly thân như chị N trình bày nhưng trên thực tế chị N và anh P đã không sống chung từ tháng 04/2025 đến nay. Anh P không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N nhưng ngoài việc khuyên bảo chị N không ly hôn để vợ chồng cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì anh P cũng không còn cách nào khác để hàn gắn lại đời sống hôn nhân với chị N. Trong khi chị N xác định đời sống chung giữa chị và anh P không thể kéo dài, chị không thể hàn gắn lại đời sống hôn nhân với anh P, điều đó cho thấy tình nghĩa vợ chồng của chị N đối với anh P không còn. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Đời sống hôn nhân giữa Võ Thị N và anh Nguyễn Văn P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị N về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

[2.2] Về con chung: Khi ly hôn cả chị N và anh P đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Thành N2, sinh ngày 09/6/2020. Xét thấy, hiện nay anh P đang đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh nên điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cũng có phần hạn chế. Hơn nữa, cháu N2 đã sống ổn định với chị N từ tháng 04/2024 đến nay. Do đó, để đảm bảo cho cháu N2 có cuộc sống ổn định, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị N, giao cháu Nguyễn Thành N2 cho chị N được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh P xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Võ Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cà Mau

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Võ Thị N. Cho chị Võ Thị N ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành N2, sinh ngày 09/6/2020 cho chị Võ Thị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Không đặt ra xem xét, giải quyết

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Võ Thị N phải chịu 300.000 đồng. Chị N đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011516 ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 8 – Cà Mau;
- P. THADS khu vực 8 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Duy